

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2407	638	500	663	606
1	Tốt	2198	593	447	607	551
	(tỷ lệ so với tổng số)	91.32	92.95	89.40	91.55	90.92
2	Khá	195	43	53	51	48
	(tỷ lệ so với tổng số)	8.1	6.74	10.60	7.69	7.92
3	Trung bình	14	2	0	5	7
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.58	0.31	0.00	0.75	1.16
4	Yếu	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi	955	286	157	200	312
	(tỷ lệ so với tổng số)	39.68	44.83	31.40	30.17	51.49
2	Khá	883	238	183	258	204
	(tỷ lệ so với tổng số)	36.68	37.30	36.60	38.91	33.66
3	Trung bình	511	101	133	187	90
	(tỷ lệ so với tổng số)	21.23	15.83	26.60	28.21	14.85
4	Yếu	57	13	27	17	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.37	2.04	5.40	2.56	0.00
5	Kém	1	0	0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.04	0	0	0.15	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2407	636	500	663	606
1	Lên lớp	2376	630	487	653	606
	(tỷ lệ so với tổng số)	98.71	26.17	20.23	27.13	25.18
a	Học sinh giỏi	676	110	56	200	310
	(tỷ lệ so với tổng số)	28.08	17.24	11.2	30.17	51.16
b	Học sinh tiên tiến	738	176	101	258	203
	(tỷ lệ so với tổng số)	30.66	27.59	20.2	38.91	33.5
2	Thi lại	27	5	14	8	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.12	0.21	0.58	0.33	0.00
3	Lưu ban	31	8	13	10	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.29	0.33	0.54	0.42	0.00
4	Chuyển trường đến	30	3	12	10	5
	Chuyển trường đi	78	11	19	19	29
5	Bị đuổi học					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	46	7	15	13	11
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	61	0	0	0	61

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Cấp huyện	45	0	0	0	45
2	Cấp tỉnh/thành phố	16	0	0	0	16
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt	606	0	0	0	606
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ					606
1	Giỏi	310	0	0	0	310
	(tỷ lệ so với tổng số)					51,16%
2	Khá	203	0	0	0	203
	(tỷ lệ so với tổng số)					33,50%
3	Trung bình	93	0	0	0	93
	(Tỷ lệ so với tổng số)					15,35%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1231/1174	334/302	268/232	327/336	302/304
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	8	4	15	5

Hóc Môn, ngày 18 tháng 09 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Ngọc Long

